

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN LONG NHI

**PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI GÂY RỐI
TRẬT TỰ CÔNG CỘNG VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS. TSKH. LÊ VĂN CẨM

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

Danh mục các biểu đồ

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ
CÔNG CỘNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**..... 8

1.1. Khái niệm an toàn công cộng, trật tự công cộng 8

**1.2. Khái niệm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự
công cộng**..... 10

**1.3. Phân loại các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự
công cộng**..... 16

1.4. Khái niệm tội gây rối trật tự công cộng..... 24

**1.5. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm
gần giống trong pháp luật hình sự Việt Nam**..... 27

1.5.1. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội phá rối an ninh..... 27

1.5.2. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội đua xe trái phép 29

1.5.3. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội chống người thi
hành công vụ 30

1.5.4. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội cố ý gây thương
tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 31

**Chương 2: THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN
CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN
XÉT XỬ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TẠI
TỈNH ĐỒNG THÁP** 34

2.1.	Thực trạng các quy định có liên quan của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng	34
2.1.1.	Các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội phạm.....	34
2.1.2.	Các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng	36
2.1.3.	Hình phạt.....	44
2.2.	Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp.....	47
2.3.	Tình hình và kết quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp.....	49
2.3.1.	Tình hình xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp	49
2.3.2.	Kết quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp	52
2.4.	Một số tồn tại, vướng mắc trong hoạt động xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp	59
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÉT XỬ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG Ở TỈNH ĐỒNG THÁP.....		72
3.1.	Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng.....	72
3.1.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng	72
3.1.2.	Ý nghĩa của việc hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng	74
3.2.	Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng.....	75
3.2.1.	Nhận xét chung	75
3.2.2.	Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể	78
3.3.	Những giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng.....	80

3.3.1.	Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật hình sự trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi gây rối trật tự công cộng.....	80
3.3.2.	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân	81
3.3.3.	Phối hợp các cơ quan, tổ chức với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án để phòng ngừa, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh tội gây rối trật tự công cộng	83
3.3.4.	Nâng cao đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, người thi hành công vụ bảo vệ an toàn, trật tự xã hội.....	85
3.3.5.	Đổi mới tác phong làm việc, nâng cao đạo đức nghề nghiệp đối với người tiến hành tố tụng.....	85
3.3.6.	Đẩy mạnh công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử của ngành Tòa án làm cơ sở cho hoạt xét xử vụ án hình sự nói chung, vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng được thực hiện thống nhất	87
3.3.7.	Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của Thẩm phán và cán bộ, công chức trong ngành Tòa án.....	88
3.3.8.	Nâng cao năng lực trình độ chuyên môn của Hội thẩm nhân dân	90
3.3.9.	Tăng cường phương tiện, điều kiện cơ sở vật chất và hoàn thiện chế độ chính sách đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức của ngành Tòa án	91
3.3.10.	Tăng cường hoạt động kiểm tra giám đốc đối với Tòa án nhân dân cấp huyện, đảm bảo việc áp dụng pháp luật thống nhất trong hoạt động xét xử	93
	KẾT LUẬN	95
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ Luật hình sự được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 được coi là một trong những công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần đắc lực vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức; góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý kinh tế, bảo đảm cho mọi người được sống trong một môi trường xã hội và sinh thái an toàn, lành mạnh, mang tính nhân văn cao. Đồng thời, pháp luật hình sự góp phần tích cực loại bỏ những yếu tố gây cản trở cho tiến trình đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới, trong những năm qua, đời sống kinh tế xã hội có những thay đổi đáng kể, từ đó có những tác động tích cực đến đời sống nhân dân cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, chúng ta không thể không thấy những nguy cơ và thách thức to lớn đặt ra với toàn Đảng và toàn dân về trong sự phát triển nói chung đó, đặc biệt là sự gia tăng của các loại tội phạm ở các thành phố lớn như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, và một số tỉnh, thành khác trong đó có tỉnh Đồng Tháp.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2009 đến năm 2013, ở tỉnh Đồng Tháp có tổng số vụ phạm pháp luật hình sự là 4.081, trong đó hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng là 67 vụ, chiếm 1.64% tổng số vụ án hình sự đưa ra xét xử. Bên cạnh đó, dưới góc độ thực tiễn xét xử cho thấy nếu năm 2011, tổng số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng đưa ra

xét xử 15 vụ và 47 bị cáo; năm 2012 là 13 vụ và 50 bị cáo; năm 2013 là 16 vụ và 61 bị cáo. Qua kết quả xét xử nói trên cho thấy, giữa các năm có sự khác nhau về số vụ nhưng số bị cáo ngày càng gia tăng với quy mô, mức độ ngày càng nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Tháp đã tập trung lực lượng xử lý loại tội phạm gây rối trật tự công cộng và đã đạt nhiều kết quả đáng kể. Tuy nhiên, công tác xét xử các vụ án gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp còn có những hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Do đó, vấn đề này ở Đồng Tháp cần được nghiên cứu, tổng kết một cách toàn diện, có hệ thống. Thông qua việc nghiên cứu sẽ xác định được các nguyên nhân làm hạn chế công tác xét xử đối với các tội gây rối trật tự công cộng. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả xét xử đối với loại tội phạm này. Với những lý do trên, tôi chọn *“Pháp luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”* làm luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu và điểm mới khoa học của luận văn

Chương XIX Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Trong đó các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng đã được một số nhà khoa học - luật gia hình sự quan tâm nghiên cứu và được thể hiện ở một số sách chuyên khảo, tham khảo, bình luận và giáo trình đại học...

Tuy nhiên, qua nghiên cứu các công trình trên cho thấy: một số công trình có phạm vi nghiên cứu rộng, trong đó tội gây rối trật tự công cộng chỉ là một phần nhỏ trong nội dung nghiên cứu của tác giả nên chưa được phân tích sâu về mặt lý luận và thực tiễn; có công trình chỉ xem xét tội gây rối trật tự công cộng với ý nghĩa là một tội phạm để bình luận các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt hoặc chỉ xem xét dưới góc độ tội phạm học -

phòng ngừa cả nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; có công trình nghiên cứu tội gây rối trật tự công cộng nhưng đã được tiến hành cách đây khá lâu, do vậy giá trị về lý luận và thực tiễn không cao.

Đối với tỉnh Đồng Tháp, cho tới nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về tội gây rối trật tự công cộng gắn với thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Do đó việc nghiên cứu *Pháp luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp* ở cả góc độ luật hình sự và tội phạm học là một đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, phục vụ trực tiếp cho địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

3.1.1. Mục tiêu chung

Tìm hiểu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, phân tích thực trạng xét xử đối với tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, từ đó chỉ ra các hạn chế bất cập còn tồn tại và đề xuất những phương hướng, các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao vai trò của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong việc áp dụng pháp luật để xét xử các vụ án về gây rối trật tự công cộng, góp phần tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về tội gây rối trật tự công cộng.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng vi phạm pháp luật về trật tự công cộng trong những năm gần đây và công tác xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với loại tội phạm này, tìm ra nguyên nhân của thực trạng đó.
- Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử tội gây rối trật tự công cộng của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Pháp luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Một số vấn đề chung về tội gây rối trật tự công cộng theo pháp luật hình sự Việt Nam.

- Thực tiễn xét xử tội gây rối trật tự công cộng tại tỉnh Đồng Tháp.

- Những giải pháp cơ bản hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng ở tỉnh Đồng Tháp.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, về xây dựng Nhà nước và pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm; quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh chống tội phạm nói chung; thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như lịch sử pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự; những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học pháp lý chuyên ngành.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Luận văn được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin về trật tự công cộng và hành vi gây rối trật tự công cộng; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác bảo vệ trật tự xã hội.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp và phương pháp so sánh.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn nghiên cứu của luận văn

5.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về tội gây rối trật tự công cộng trong Luật hình sự Việt Nam, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác hay có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử ở tỉnh Đồng Tháp (2009-2013). Qua đó, chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập của các quy định hiện hành và các sai sót trong quá trình áp dụng để tìm ra nguyên nhân và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự trong việc xét xử tội gây rối trật tự công cộng ở khía cạnh lập pháp và thực tiễn.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận, có thể sử dụng để nghiên cứu, học tập. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến tội gây rối trật tự công cộng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội này trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội gây rối trật tự công cộng theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng các quy định có liên quan của Bộ luật Hình sự năm 1999 và thực tiễn xét xử tội gây rối trật tự công cộng tại tỉnh Đồng Tháp.

Chương 3: Một số phương pháp trong quá trình hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng ở tỉnh Đồng Tháp

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm an toàn công cộng, trật tự công cộng

Theo từ điển Tiếng Việt thì , “*an toàn*” được hiểu: “*Yên ổn hoàn toàn không nguy hiểm*”, còn “*công cộng*” được hiểu là “*chung cho hoặc thuộc về mọi người*”. Do vậy, “*an toàn công cộng*” có thể hiểu là trạng thái ổn định, hoàn toàn không có nguy hiểm đối với mọi người xung quanh hoặc an toàn xã hội đối với mọi người.

Theo Từ điển Luật học thì trật tự công cộng là “*Trạng thái ổn định, có tổ chức, có kỷ luật ở nơi công cộng. Những nơi phục vụ lợi ích công cộng như đường phố, quảng trường, công viên, bệnh viện, nhà hát, rạp chiếu bóng, bãi biển, khu nghỉ mát... được tổ chức sắp xếp ngăn nắp, các quy ước chung được mọi người tôn trọng, thực hiện nghiêm chỉnh. Quy tắc bắt buộc phải tuân theo để bảo vệ lợi ích chung của xã hội, thể hiện toàn bộ yêu cầu cơ bản của xã hội về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội*”....

1.2. Khái niệm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng

Dưới góc độ khoa học luật hình sự, *các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng bao gồm các quy phạm pháp luật hình sự, quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về an toàn công cộng, trật tự công cộng, gây ra những thiệt hại về tài sản của Nhà nước, của tổ chức, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, đồng thời còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, ổn định xã hội ở những nơi công cộng.*

1.3. Phân loại các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng

Dưới góc độ khoa học luật hình sự, căn cứ vào *khách thể trực tiếp bị*

tội phạm xâm phạm đến có thể phân loại các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng thành *sáu* nhóm tội chính như sau:

** Nhóm thứ nhất - Các tội xâm phạm an toàn trong hoạt động giao thông* bao gồm 22 tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể tại là từ Điều 202 đến Điều 223

** Nhóm thứ hai - Các tội phạm về tin học* bao gồm 05 tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1999 (có 02 tội được bổ sung năm 2009), cụ thể là từ Điều 224 đến Điều 226b.

** Nhóm thứ ba - Các tội xâm phạm an toàn trong lao động, phòng cháy, dịch vụ y tế, vệ sinh thực phẩm* bao gồm 7 tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể là từ Điều 227 đến Điều 240 và từ Điều 242 đến Điều 244.

** Nhóm thứ tư - Các tội xâm phạm an toàn liên quan đến vũ khí, phương tiện, công trình và các chất nguy hiểm khác* bao gồm 13 tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1999 (có 02 tội được bổ sung năm 2009), cụ thể là từ Điều 230 đến Điều 241.

** Nhóm thứ năm - Các tội xâm phạm trật tự công cộng liên quan đến tệ nạn xã hội* bao gồm 6 tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể là các Điều 247, 248, 249, 254, 255, 256.

** Nhóm thứ sáu - Các tội khác xâm phạm trật tự xã hội* bao gồm 6 tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể là các Điều 245, 246, 250, 251, 252, 253.

1.4. Khái niệm tội gây rối trật tự công cộng

Khái niệm tội gây rối trật tự công cộng cần thể hiện được đầy đủ các bình diện tương ứng với những đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản của tội phạm đã nêu trên. Do đó, khái niệm tội phạm này được định nghĩa như sau: *Tội gây rối trật tự công cộng là hành vi hò hét, làm náo động, phá phách, hành hung người khác hoặc có hành vi khác làm rối loạn các hoạt động ở những nơi công cộng, gây thiệt hại cho trật tự an toàn công cộng do người có năng lực*

trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

1.5. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm gần giống trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.5.1. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội phá rối an ninh

Tội phá rối an ninh được hiểu là hành vi kích động, lôi kéo, tụ tập đông người gây rối an ninh, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội nhằm chống chính quyền nhân dân hoặc là những hành vi đồng phạm khác phá rối an ninh do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý.

1.5.2. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội đua xe trái phép

Tội đua xe trái phép được quy định Điều 207 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, theo đó, tội đua xe trái phép là hành vi đua trái phép ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho sức khỏe, tài sản của người khác hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.

1.5.3. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội chống người thi hành công vụ

Theo Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999, tội chống người thi hành công vụ được hiểu là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc người đó phải thực hiện hành vi trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý.

1.5.4. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được hiểu là hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp do Bộ luật hình sự quy định, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý (*Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999*).

Chương 2

THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

2.1. Thực trạng các quy định có liên quan của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội phạm

Một là, khách thể của tội phạm là các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ bị tội phạm xâm hại bằng cách gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại trong một chừng mực nhất định.

Hai là, mặt khách quan của tội phạm là các biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm, gồm các dấu hiệu: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ giữa hành vi nguy hiểm và hậu quả nguy hiểm cho xã hội, thời gian phạm tội, địa điểm phạm tội, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, công cụ phạm tội, phương tiện phạm tội và hoàn cảnh phạm tội.

Ba là, mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội phạm, là trạng thái tâm lý của chủ thể khi thực hiện tội phạm, bao gồm các dấu hiệu lỗi, động cơ phạm tội và mục đích phạm tội.

Bốn là, chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã thực hiện tội phạm đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự.

2.1.2. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng

**** Khách thể của tội phạm***

Tội gây rối trật tự công cộng xâm phạm trực tiếp đến những quy tắc, luật lệ, điều lệ, nội quy... về trật tự công cộng, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc cuộc sống, gây ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mọi người ở nơi công cộng. Ngoài ra, tội gây rối trật tự công cộng còn gây khó khăn, trở ngại cho hoạt động của những người trong cơ quan Nhà nước và xã hội làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự công cộng.

**** Mặt khách quan của tội phạm***

Tội gây rối trật tự công cộng thể hiện bằng hành vi gây rối trật tự công cộng được mô tả trong điều luật là hành vi của một người có lời nói, cử chỉ tiếp xúc với người khác ở nơi công cộng với thái độ tỏ ra coi thường trật tự xã hội chung, gây mất trật tự hoặc là những hành vi càn quấy, hành hung người khác nhưng chưa gây thương tích, gây lộn xộn, náo loạn ở nơi công cộng như: rạp hát, vườn hoa, nhà ga, bến tàu, công viên, quảng trường; v.v...

**** Chủ thể của tội phạm***

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Chủ thể của tội phạm nói chung và chủ thể của tội gây rối trật tự công cộng nói riêng là con người cụ thể, đang sống - thể nhân.

**** Mặt chủ quan của tội phạm***

Theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành thì mặt chủ quan của tội gây rối trật tự công cộng thể hiện ở các yếu tố: lỗi cố ý trực tiếp là dấu hiệu bắt buộc còn động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm này.

2.1.3. Hình phạt

Tại Điều 245 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định có hai khung hình phạt gồm:

* *Khung 1*: Quy định phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

* *Khung 2*: Quy định phạt tù từ 2 năm đến 7 năm được áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết sau khi có một trong những tình tiết định khung tăng nặng sau đây: *Có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách; Có tổ chức; Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng; Xúi giục người khác gây rối; Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng; Tái phạm nguy hiểm;*

2.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp

Đồng Tháp là một trong 13 tỉnh, thành của khu vực Tây nam bộ và nằm ở hạ lưu sông MêKong, phía Đông bắc giáp tỉnh Long An, phía Tây bắc giáp tỉnh PrêyVeng (Vương Quốc Campuchia), phía Tây nam giáp tỉnh An Giang và thành phố Cần Thơ, phía Đông nam giáp tỉnh Tiền Giang và tỉnh Vĩnh Long. Tỉnh Đồng Tháp có đường biên giới quốc gia giáp Campuchia với chiều dài khoảng 50km, có 04 cửa khẩu chính: Thông Bình, Dinh Bà, Mỹ Căn và Thường Phước; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện: 02 thành phố, 01 thị xã và 09 huyện; có nhiều tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ N1, N2, 30, 54, 80 và có nhiều tuyến sông, ngòi chảy qua. Đồng Tháp có diện tích tự nhiên 3.374,07km², chiếm 8,17% diện tích vùng đồng bằng Sông Cửu Long, cách thành phố Hồ Chí Minh 165km.

Thời gian qua do chịu hậu quả từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công khu vực Châu Âu kéo dài, trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục bị áp lực lãi suất vay cao, mức tiêu thụ sản phẩm đạt thấp. Tuy nhiên kinh tế tỉnh Đồng Tháp vẫn ổn định, đời sống dân cư, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Tính đến năm 2011, dân số toàn tỉnh Đồng Tháp đạt gần 1.673.200 người, mật độ dân số đạt 495 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt gần 297.200 người, dân số sống tại nông thôn đạt 1.376.000 người. Dân số nam đạt 833.700 người trong khi đó nữ đạt 839.500 người. Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số phân theo địa phương tăng 7,0%.

Theo thống kê của tổng cục thống kê Việt Nam, tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2009, toàn tỉnh Đồng Tháp có 21 dân tộc. Trong đó dân tộc Kinh có 1.663.718 người, dân tộc Hoa có 1855 người, dân tộc Khmer có 657 người, còn lại là những dân tộc khác như Chăm, Thái, Mường, Tày...

2.3. Tình hình và kết quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp

2.3.1. Tình hình xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong 5 năm (2009 - 2013) thì Tòa án cấp huyện và cấp tỉnh đã xét xử 4.081 vụ, với 5.625 bị cáo, cụ thể qua các năm như sau: năm 2009: xét xử 622 vụ, với 714 bị cáo; năm 2010: xét xử 676 vụ, với 805 bị cáo; năm 2011: xét xử 844 vụ, với 1049 bị cáo; năm 2012: xét xử 952 vụ, với 1489 bị cáo; năm 2013: xét xử 987 vụ, với 1568 bị cáo;

Trong năm 5 qua, số vụ xét xử về tội gây rối trật tự công cộng chiếm 1.67% tổng số vụ án hình sự mà ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp đã xét xử. Trong đó số bị cáo bị xét xử về tội gây rối trật tự công cộng chiếm 4.21% tổng số bị cáo bị xét xử hình sự mà ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp đã xét xử.

2.3.2. Kết quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp

Qua nghiên cứu các vụ án đã xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trong thời gian qua ở tỉnh Đồng Tháp (từ năm 2009-2013) có thể rút ra một số dấu hiệu điển hình của loại tội phạm này như sau: *Một là*, tội gây rối trật tự công cộng có tính phổ biến; *Hai là*, tội gây rối trật tự công cộng có

tính công khai; Ba là, tội gây rối trật tự công cộng có tính đa dạng; Bốn là, tội gây rối trật tự công cộng thể hiện ở tính chất nhóm (hay tính tổ chức); Năm là, tội gây rối trật tự công cộng còn có tính liên quan.

2.4. Một số tồn tại, vướng mắc trong hoạt động xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp

**** Về mặt khách quan:***

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội diễn ra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngày càng phức tạp, tội phạm về gây rối trật tự công cộng ngày càng gia tăng với nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp. Biên chế phân bổ chưa đủ để đáp ứng với số lượng vụ việc phải thụ lý; cơ sở vật chất của Tòa án phục vụ cho công tác xét xử còn nhiều thiếu thốn. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân chưa được chú trọng; trình độ dân trí còn thấp, nhận thức pháp luật của người dân còn nhiều hạn chế; công tác phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan hữu quan đôi lúc còn bị động, chưa tích cực phối kết hợp. Bộ luật hình sự quy định về tội gây rối trật tự công cộng trong tương quan với các tội phạm khác còn chưa hoàn toàn thống nhất. Việc hoạch định chính sách và phát triển ngành Tòa án, công tác quản lý, sử dụng cán bộ chưa tốt, chưa kịp thời kiểm tra thường xuyên, uốn nắn những sai sót trong nghiệp vụ, chưa thường xuyên tập huấn nghiệp vụ và tạo điều kiện nắm bắt đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo công tác nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán.

**** Về mặt chủ quan:***

Tình trạng nhận thức pháp luật hạn chế hoặc không có thái độ tôn trọng đối với pháp luật, đặc biệt là các đối tượng thanh thiếu niên; do gặp những khó khăn, rủi ro trong cuộc sống nên bất mãn với với gia đình, xã hội hoặc do khiếu nại, tố cáo, bức xúc với sự giải quyết của chính quyền, của cơ quan, tổ chức mà đã có hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng. Trách nhiệm của một số cán bộ, công chức, trong đó có Thẩm phán đối với việc xét xử về tội gây rối trật tự công cộng chưa được đề cao đúng

mức; trình độ chuyên môn của Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký của Tòa án nhân dân cấp huyện còn hạn chế chưa đáp ứng được việc yêu cầu xét xử. Quan hệ phối hợp trong việc tổ chức phiên tòa xét xử lưu động chưa được quan tâm đúng mức; công tác giám đốc kiểm tra đối với các quyết định, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật chưa kịp thời; kiến thức pháp lý của Hội thẩm còn hạn chế. Trong hoạt động xét xử việc lựa chọn quy phạm pháp luật đôi khi còn chưa chính xác, viện dẫn các điều luật còn chưa đầy đủ.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÉT XỬ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

3.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

Trước những diễn biến, thách thức và tác động của nhiều nguyên nhân để làm tốt công tác xét xử đối với tội gây rối trật tự công cộng trong thời gian tới, chúng ta cần phải sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và quy định của Bộ luật hình sự về tội gây rối trật tự công cộng nói riêng.

3.1.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

Việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự nhằm mục đích góp phần cụ thể hóa chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm hoạt động bình thường và

ổn định của xã hội, qua đó kiên quyết xử lý nghiêm minh, triệt để và đúng pháp luật tất cả các hành vi xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng ở mức độ khác nhau và bảo đảm tính pháp chế xã hội chủ nghĩa, tính tối thượng của pháp luật.

3.2. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng

3.2.1. Nhận xét chung

Một là, tội gây rối trật tự công cộng theo như quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với hai khung hình phạt, đã hoàn thiện hơn so với tội phạm này trong Bộ luật hình sự năm 1985

Hai là, mức phạt tiền trong khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự về tội gây rối trật tự công cộng còn thấp chưa tương xứng.

Ba là, khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 đã đầy đủ các dấu hiệu định tội, tuy nhiên dấu hiệu thế nào "gây hậu quả nghiêm trọng" thì đến năm 2003 mới được hướng dẫn cụ thể.

Bốn là, tình tiết quy định điểm a khoản 2 "có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách" hay tình tiết quy định tại điểm c khoản 2 "gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng", như đã phân tích, thực chất không phải là hai tình tiết mà là bốn tình tiết độc lập.

Năm là, trong thực tiễn việc gây rối trật tự tại phiên tòa, nơi thi hành án hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho hoạt động xét xử, thi hành án ở mức độ hình sự cần phải ghi nhận tăng nặng để xử lý.

3.2.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể

Từ những nhận xét trên, mô hình lý luận của Điều 245 - Tội gây rối trật tự công cộng trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành sẽ như sau (những phần in đậm, rạch dưới là kiến nghị bổ sung):

*1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ **hai** triệu đồng*

đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm (sửa đổi, bổ sung).

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm (sửa đổi, bổ sung): a) Có dùng vũ khí **hoặc công cụ hỗ trợ**; b) Có hành vi phá phách; b) Có tổ chức; c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng; c) Gây đình trệ hoạt động công cộng; d) Xúi giục người khác gây rối; đ) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng; e) Tái phạm nguy hiểm. **f) Gây rối trật tự tại phiên tòa, nơi thi hành án hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho hoạt động xét xử, thi hành án.**

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử tội gây rối trật tự công cộng

3.3.1. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật hình sự trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi gây rối trật tự công cộng

Một là, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể các tình tiết định khung tăng nặng của khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hai là, cần có văn bản hướng dẫn định tội danh trong các trường hợp phạm tội gây rối trật tự công cộng với các tội phá rối an ninh, tội giết người, tội cố ý gây thương tích, tội chống người thi hành công vụ và tội đua xe trái phép để bảo đảm định tội danh được đúng và chính xác trong thực tiễn.

Ba là, tiếp tục cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp luật hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội có liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng, làm cơ sở cho việc xử lý hành chính và là dấu hiệu định tội để xử lý hình sự.

3.3.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân

Cần phải tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với quần chúng nhân dân lao động, cả các cán bộ, công

chức để toàn dân hiểu và chấp hành đúng pháp luật, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế còn lạc hậu.

3.3.3. Phối hợp các cơ quan, tổ chức với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án để phòng ngừa, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh tội gây rối trật tự công cộng

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm phải có sự tham gia đầy đủ của các cấp chính quyền, cơ quan đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là lực lượng chuyên trách trong Công an và sự nhiệt tình ủng hộ của quần chúng nhân dân; phải có một kế hoạch làm việc khoa học, có sự phối hợp nhịp nhàng, thường xuyên hỗ trợ nhau trong việc thu thập và củng cố chứng cứ giữa Tòa án và Viện kiểm sát nhằm để phát hiện những mâu thuẫn, những nội dung cần làm rõ về hành vi phạm tội, khắc phục những thiếu sót về chứng cứ và thủ tục tố tụng.

3.3.4. Nâng cao đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, người thi hành công vụ bảo vệ an toàn, trật tự xã hội

Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, người thi hành công vụ... thì họ mới có tâm lý vững tin, yên tâm công tác, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực sự vững mạnh, trong sạch, tận tụy với công việc, có tác phong làm việc kiểu mẫu, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

3.3.5. Đổi mới tác phong làm việc, nâng cao đạo đức nghề nghiệp đối với người tiến hành tố tụng.

Người tiến hành tố tụng cần phải đổi mới tác phong, thái độ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao trách nhiệm, bản lĩnh chính trị khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

3.3.6. Đẩy mạnh công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử của ngành Tòa án làm cơ sở cho hoạt xét xử vụ án hình sự nói chung, vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng được thực hiện thống nhất

Phải thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm trong xét xử để rút ra những mặt đã đạt được và những thiếu sót, những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động xét xử.

3.3.7. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của Thẩm phán và cán bộ, công chức trong ngành Tòa án

Bên cạnh việc kiện toàn cơ cấu tổ chức là phải thường xuyên nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn và bồi dưỡng phẩm chất nghề nghiệp cho Thẩm phán để nhằm đảm bảo tính thống nhất về áp dụng pháp luật trong xét xử.

3.3.8. Nâng cao năng lực trình độ chuyên môn của Hội thẩm nhân dân

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của ngành Tòa án, cần phải nâng cao năng lực và trình độ của Hội thẩm nhân dân tương đương với Thẩm phán.

3.3.9. Tăng cường phương tiện, điều kiện cơ sở vật chất và hoàn thiện chế độ chính sách đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức của ngành Tòa án

Bên cạnh việc tăng cường điều kiện, phương tiện cơ sở vật chất, Nhà nước phải chú trọng đến việc hoàn thiện các chế độ chính sách đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức ngành Tòa án để họ yên tâm công tác và đầu tư nhiều thời gian vào công tác chuyên môn.

3.3.10. Tăng cường hoạt động kiểm tra giám đốc đối với Tòa án nhân dân cấp huyện, đảm bảo việc áp dụng pháp luật thống nhất trong hoạt động xét xử

Cần phải xem công tác kiểm tra giám đốc án là hoạt động thường xuyên của ngành Tòa án. Qua công tác kiểm tra giám đốc án có tác dụng uốn nắn, khắc phục những sai sót trong xét xử, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong xét xử các vụ án hình sự nói chung và vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng của ngành Tòa án ngày một tốt hơn.

KẾT LUẬN

Các quy định về tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là một chế định điển hình trong Bộ Luật hình sự, trong đó có quy định về các tội phạm cụ thể và hình phạt dành cho hành vi tương ứng. Người thực hiện tội phạm này xâm phạm trật tự công cộng, làm phá vỡ sự ổn định của trật tự công cộng, vi phạm pháp luật, văn hóa, chuẩn mực xã hội, phong tục tập quán đảm bảo trật tự công cộng làm cản trở hoạt động bình thường, tuân thủ của mọi người tại không gian công cộng. Gây rối trật tự công cộng là tội cụ thể trong chế định pháp luật trên, theo đó có thể hiểu gây rối trật tự công cộng là nhóm các hành vi xâm phạm trật tự công cộng được Nhà nước bảo vệ bằng quy định pháp luật cụ thể và hình phạt tương xứng đối với tội danh này.

An toàn công cộng, trật tự công cộng có liên quan chặt chẽ tới các hoạt động kinh tế - văn hóa cũng như cuộc sống của mọi người dân. Do đó, bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng luôn được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cũng như của toàn xã hội. Tuy nhiên, xuất phát từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế, sự gia tăng và biến động dân số, tỷ lệ lao động thất nghiệp ngày càng nhiều, ý thức và trình độ nhận thức của người dân chưa cao, cũng như chưa ý thức hết hậu quả của hành vi gây rối trật tự công cộng để lại, sự thờ ơ thiếu trách nhiệm của một số cán bộ, công chức thực thi pháp luật, người dân chưa thật sự tích cực trong tố giác tội phạm và hỗ trợ cho các cơ quan có thẩm quyền và người tiến hành tố tụng trong việc chứng minh tội phạm,...tất cả các vấn đề đó làm cho tình hình tội phạm này trong thời gian tới sẽ phức tạp và nguy hiểm hơn. Do vậy, hơn bao giờ hết công tác giáo dục, tuyên truyền cho người dân, trừng trị người phạm tội, cũng như vai trò của công tác xét xử tội phạm này trong thời gian tới là rất quan trọng, đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp các ngành và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi công dân.

Hành vi gây rối trật tự công cộng và cả tội phạm gây rối trật tự công cộng thể hiện chung ở chỗ - đều xâm phạm nghiêm trọng các quan hệ xã hội trong lĩnh vực trật tự công cộng, gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp, tài sản của Nhà nước và công dân. Hành vi này được thực hiện công khai và thường ở những nơi đông người, số đông người tham gia biểu hiện ý thức coi thường kỷ cương trật tự, an toàn xã hội, pháp luật của Nhà nước với đa dạng hình thức biểu hiện của hành vi gây rối thường là: hành hung, đánh lộn, đập phá, gây lộn xộn ở nơi đông người, tụ tập đi xe máy tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, gây huyên náo đường phố... và ngày càng có xu hướng gia tăng ở các thành phố, đô thị lớn và đi kèm với nó là các hành vi hủy hoại tài sản, cố ý gây thương tích, giết người, chống người thi hành công vụ hay đua xe trái phép...

Để ngày một nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật trong quá trình xét xử đối với tội gây rối trật tự công cộng, các nhà làm luật, các chủ thể áp dụng pháp luật cần thực hiện theo những quan điểm, nguyên tắc chung của pháp luật. Thực hiện thường xuyên những giải pháp nêu trên trong thời gian nhất định mới tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giải quyết án của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và hoạt động xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Khi thực hiện tốt các giải pháp đã nêu ở chương 3, thì sẽ nâng cao được hiệu quả áp dụng pháp luật trong xét xử tội gây rối trật tự công cộng ngày một tốt hơn.

Trên cơ sở nghiên cứu khía cạnh pháp lý hình sự và thực tiễn xét xử của ngành Tòa án tỉnh Đồng Tháp về tội gây rối trật tự công cộng cho thấy cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội phạm này trên các phương diện lý luận, thực tiễn và lập pháp. Do đó, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng đòi hỏi cần thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính chiến lược và giải pháp cụ thể đã được phân tích. Các giải pháp này có ý nghĩa rất quan trọng không những trên phương diện xã hội - pháp lý

hình sự, mà còn cả trên phương diện tội phạm học để nhằm mục đích - phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả hơn đối với hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng ở nước ta nói chung và ở tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Qua đó bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội.

Từ cơ sở lý luận, qua nguyên cứu thực trạng đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế, những nguyên nhân và các quan điểm cũng như các giải pháp. Nếu thực hiện tốt các giải pháp nêu trên sẽ ngày càng nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật để xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án, góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội, làm giảm và tiến tới xóa bỏ các hành vi gây rối trật tự công cộng, đảm bảo được trật tự kỉ cương xã hội, tạo sự tin tưởng tuyệt đối của nhân dân vào thể chế chính trị, tạo điều kiện và thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển toàn diện, hướng đến mục tiêu *“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ;... con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;... có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo...”*.